

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy trình điện tử giữa cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế trong giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020, được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ Luật Quản lý thuế năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025;

Căn cứ Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành biểu mẫu sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh;

Căn cứ Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành biểu mẫu sử dụng trong lĩnh vực quản lý nhà nước đối với hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành biểu mẫu thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và quy định về nội dung thông tin, việc cập nhật, khai thác và quản lý Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã;

Căn cứ Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát triển doanh nghiệp tư nhân và kinh tế tập thể.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình điện tử giữa cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế trong giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh (chi tiết tại Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Cục trưởng Cục Phát triển doanh nghiệp tư nhân và kinh tế tập thể, Cục trưởng Cục Thuế và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các đ/c Thứ trưởng;
- Các đơn vị: VP, CT, CNTT, PC (để phối hợp);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW (để biết);
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc TW (để thực hiện);
- Thuế tỉnh, thành phố thuộc Cục thuế (để thực hiện);
- Lưu: VT, DNTN(37.b)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Đức Tâm

Phụ lục I

QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIỮA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ CƠ QUAN THUẾ TRONG GIẢI QUYẾT CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ, HỘ KINH DOANH

(ban hành kèm theo Quyết định số 42.50./QĐ-BTC ngày 22/12/2025 của Bộ Tài chính)

I. Các vấn đề chung

1. Quy trình điện tử giữa Cơ quan đăng ký kinh doanh và Cơ quan thuế trong giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh (sau đây gọi tắt là “Quy trình”) hướng dẫn chi tiết về việc trao đổi thông tin theo phương thức điện tử giữa Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và Hệ thống thông tin đăng ký thuế để thực hiện công tác đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.

2. Trong phạm vi Quy trình này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

2.1. *Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh* là cụm từ dùng chung để chỉ doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp; hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; hộ kinh doanh.

2.2. *Đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh* bao gồm:

a) Đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP;

b) Đăng ký tổ hợp tác theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP;

c) Đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP;

d) Đăng ký hộ kinh doanh theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP.

2.3. *Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh* bao gồm Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh, Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

2.4. *Mã số* bao gồm mã số doanh nghiệp, mã số đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, mã số địa điểm kinh doanh, mã số tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, mã số đơn vị phụ thuộc, mã số địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, mã số hộ kinh doanh.

2.5. *Giấy chứng nhận* bao gồm:

a) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh

doanh, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;

b) Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh;

c) Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

3. Nguyên tắc phối hợp

Thông tin được trao đổi bằng phương thức điện tử giữa Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và Hệ thống thông tin đăng ký thuế có giá trị pháp lý tương đương văn bản giấy. Mỗi cơ quan chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và toàn vẹn của dữ liệu do hệ thống tạo ra và gửi đi.

Các bước trao đổi thông tin giữa hai Hệ thống phải được ưu tiên thực hiện tự động. Thời gian xử lý được quy định tại Phần III của Văn bản này, đảm bảo không ảnh hưởng đến thời hạn giải quyết TTHC chung cho người dân và doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 168/2025/NĐ-CP.

Việc trao đổi thông tin giữa Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và Hệ thống thông tin đăng ký thuế phải đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về bảo mật, an ninh, an toàn thông tin mạng.

II. Quy trình điện tử giữa Cơ quan đăng ký kinh doanh và Cơ quan thuế trong giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh

1. Quy trình trao đổi thông tin đăng ký thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh

1.1. Mã số doanh nghiệp, mã số đơn vị trực thuộc, mã số địa điểm kinh doanh thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP.

Mã số tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, mã số đơn vị phụ thuộc, mã số địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP và Điều 35 Nghị định số 125/2025/NĐ-CP.

Mã số hộ kinh doanh thực hiện theo quy định tại Điều 91 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP.

1.2. Việc tạo và cấp Mã số tại mục 1.1 được thực hiện theo quy trình sau:

a) Khi hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận, Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh truyền thông tin đăng ký thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sang Hệ thống thông tin đăng ký thuế.

b) Hệ thống thông tin đăng ký thuế nhận thông tin đăng ký thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh truyền sang và tự động kiểm tra sự phù hợp của thông tin.

Trường hợp thông tin phù hợp, Hệ thống thông tin đăng ký thuế tự động tạo Mã số và thực hiện phân cấp cơ quan thuế quản lý đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; đồng thời truyền thông tin về Mã số, thông tin cơ quan thuế quản lý sang Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh **trong thời hạn không quá 01 giờ làm việc kể từ thời điểm nhận được thông tin.**

Trường hợp thông tin không phù hợp, Hệ thống thông tin đăng ký thuế tự động phản hồi về việc thông tin không phù hợp và truyền sang Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh **trong thời hạn không quá 01 giờ làm việc kể từ thời điểm nhận được thông tin.**

c) Trên cơ sở thông tin do Hệ thống thông tin đăng ký thuế cung cấp, Cơ quan đăng ký kinh doanh xử lý như sau:

Trường hợp nhận được Mã số do Hệ thống thông tin đăng ký thuế truyền sang, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận và gửi Thông báo về cơ quan thuế quản lý đến doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

Mẫu Thông báo về cơ quan thuế quản lý của doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, địa điểm kinh doanh, hộ kinh doanh quy định tại Thông tư số 68/2025/TT-BTC. Mẫu Thông báo về cơ quan thuế quản lý của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, đơn vị trực thuộc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 43/2025/TT-BTC).

Trường hợp nhận được phản hồi của Hệ thống thông tin đăng ký thuế về việc thông tin không phù hợp, Cơ quan đăng ký kinh doanh kiểm tra lại dữ liệu so với hồ sơ đăng ký của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, gửi thông báo đề nghị doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sửa đổi, bổ sung hồ sơ theo quy định.

Trường hợp Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh nhận được Mã số từ Hệ thống thông tin đăng ký thuế nhưng Cơ quan đăng ký kinh doanh không cấp Giấy chứng nhận, Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh truyền thông tin sang Hệ thống thông tin đăng ký thuế để hủy Mã số Hệ thống thuế đã tạo tạm thời trước đó.

d) Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh truyền thông tin về việc cấp Giấy chứng nhận sang Hệ thống thông tin đăng ký thuế.

2. Quy trình trao đổi thông tin đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh

2.1. Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở không dẫn đến thay đổi Cơ quan thuế quản lý

Cơ quan đăng ký kinh doanh tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và truyền thông tin sang Hệ thống thông tin đăng ký thuế.

Sau khi nhận được dữ liệu Hệ thống thông tin đăng ký thuế tự động kiểm tra sự phù hợp của thông tin thay đổi và thực hiện cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu. Hệ thống thông tin đăng ký thuế gửi kết quả giao dịch thành công hoặc không thành công (kèm theo lý do lỗi) cho Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh để cán bộ Cơ quan đăng ký kinh doanh hướng dẫn người dân, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh thực hiện.

2.2. Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở dẫn đến thay đổi Cơ quan thuế quản lý

a) Khi hồ sơ đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận, Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh truyền thông tin đăng ký thay đổi sang Hệ thống thông tin đăng ký thuế. Thông tin truyền sang bao gồm các thông tin đăng ký thay đổi của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đã được Cơ quan đăng ký kinh doanh cập nhật trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

b) Hệ thống thông tin đăng ký thuế tự động kiểm tra thông tin liên quan đến thủ tục chuyển trụ sở theo quy định của pháp luật về thuế mà không cần sự kiểm tra của cán bộ đăng ký thuế

Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh chưa hoàn thành thủ tục chuyển trụ sở tại cơ quan thuế theo quy định thì **trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin**, Hệ thống thông tin đăng ký thuế truyền thông tin sang Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh để Cơ quan đăng ký kinh doanh yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh hoàn thành thủ tục chuyển trụ sở tại cơ quan thuế trước khi đăng ký thay đổi.

Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đã hoàn thành thủ tục chuyển trụ sở với cơ quan thuế theo quy định thì **trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin**, Hệ thống thông tin đăng ký thuế tự động phân cấp cơ quan thuế quản lý, truyền thông tin sang Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

c) Trên cơ sở thông tin do Hệ thống thông tin đăng ký thuế cung cấp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận.

d) Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh truyền thông tin về việc cấp Giấy chứng nhận sang Hệ thống thông tin đăng ký thuế.

2.3. Trừ trường hợp quy định tại mục 2.1 và mục 2.2 nêu trên, việc trao đổi thông tin đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong các trường hợp khác thực hiện như sau:

a) Sau khi Cơ quan đăng ký kinh doanh thực hiện cấp Giấy chứng nhận, dữ liệu thông tin thay đổi của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp truyền sang Hệ thống thông tin đăng ký thuế.

b) Sau khi nhận được dữ liệu, Hệ thống thông tin đăng ký thuế tự động kiểm tra sự phù hợp của thông tin và cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu.

c) Đối với các trường hợp Hệ thống thông tin đăng ký thuế không cập nhật được thông tin thay đổi của doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc thì Cục Thuế tổng hợp danh sách gửi Cục Phát triển doanh nghiệp tư nhân và kinh tế tập thể để kiểm tra, phối hợp với các Cơ quan đăng ký kinh doanh có liên quan để xử lý lỗi dữ liệu hoặc hiệu đính thông tin dữ liệu cho phù hợp với quy định.

3. Quy trình trao đổi thông tin thông báo tạm ngừng kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh

Quy trình trao đổi thông tin thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo theo quy định tại Điều 60 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP đối với doanh nghiệp, Điều 47 Nghị định số 92/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 35 Nghị định số 43/2025/NĐ-CP) đối với hợp tác xã, Điều 103 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP đối với hộ kinh doanh, thực hiện như sau:

3.1. Cơ quan đăng ký kinh doanh tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ thông báo tạm ngừng kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và truyền thông tin sang Hệ thống thông tin đăng ký thuế

Hệ thống thông tin đăng ký thuế nhận thông tin thông báo tạm ngừng kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh truyền sang, tự động cập nhật trạng thái tạm ngừng kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

Khi hết thời hạn tạm ngừng kinh doanh mà doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đã thông báo, Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tự động cập nhật tình trạng pháp lý tạm ngừng kinh doanh,

hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và truyền thông tin sang Hệ thống thông tin đăng ký thuế.

Trên cơ sở thông tin từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh truyền sang, Hệ thống thông tin đăng ký thuế tự động nhận và cập nhật tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

3.2. Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh thông báo hoạt động trở lại trước thời hạn đã thông báo, Cơ quan đăng ký kinh doanh thực hiện khôi phục tình trạng pháp lý đang hoạt động cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và truyền thông tin sang Hệ thống thông tin đăng ký thuế

Hệ thống thông tin đăng ký thuế nhận thông tin khôi phục tình trạng pháp lý đang hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh truyền sang, tự động chuyển trạng thái tạm ngừng kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sang “đang hoạt động”.

4. Quy trình trao đổi thông tin đăng ký giải thể, chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh

Quy trình trao đổi thông tin đăng ký giải thể, chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được thực hiện như sau:

4.1. Cơ quan đăng ký kinh doanh tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ thông báo giải thể, cập nhật thông tin vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và truyền thông tin sang Hệ thống thông tin đăng ký thuế trong các trường hợp sau:

a) Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nhận được hồ sơ thông báo giải thể doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 64 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP;

b) Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nhận được nghị quyết giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quy định tại điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Hợp tác xã.

Trên cơ sở thông tin từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh truyền sang, Cơ quan Thuế tiếp nhận để thực hiện công tác quản lý thuế theo quy định.

4.2. Cơ quan đăng ký kinh doanh tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký giải thể, nhập thông tin vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và truyền thông tin sang Hệ thống thông tin đăng ký thuế trong các trường hợp:

a) Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nhận được hồ sơ đăng ký giải thể doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 210 Luật Doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 66 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP;

b) Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nhận được hồ sơ đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quy định tại khoản 2 Điều 50 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 35 Nghị định số 43/2025/NĐ-CP), hồ sơ thông báo chấm dứt hoạt động tổ hợp tác quy định tại khoản 1 Điều 63 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 35 Nghị định số 43/2025/NĐ-CP), hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh quy định tại khoản 2 Điều 54 Nghị định số Nghị định số 92/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 35 Nghị định số 43/2025/NĐ-CP);

c) Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nhận được thông báo chấm dứt hoạt động của hộ kinh doanh quy định tại điểm b khoản 1 Điều 104 Nghị định số 68/2025/NĐ-CP

Trên cơ sở thông tin từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh truyền sang, Hệ thống thông tin đăng ký thuế kiểm tra thông tin về tình trạng hoàn thành các nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật về thuế và gửi kết quả phản hồi sang Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh **ng nghiệp trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin.**

(i) Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đã hoàn thành các nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật về thuế, cơ quan thuế thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo quy định; cập nhật trạng thái ngừng hoạt động đã hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và chuyển kết quả hoàn thành việc xử lý chấm dứt hiệu lực mã số thuế sang Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

Trên cơ sở thông tin do Hệ thống thông tin đăng ký thuế truyền sang, Cơ quan đăng ký kinh doanh chuyển tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sang tình trạng đã giải thể, đã chấm dứt hoạt động và truyền thông tin sang Hệ thống thông tin đăng ký thuế.

(ii) Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh chưa hoàn thành các nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật về thuế, cơ quan thuế cập nhật trạng thái ngừng hoạt động chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế trong Hệ thống thông tin đăng ký thuế, gửi phản hồi thông tin doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh chưa hoàn thành các nghĩa vụ thuế sang Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh thông báo cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh phải hoàn thành các nghĩa vụ thuế với cơ quan thuế trước khi đăng ký giải thể, chấm dứt hoạt động.

d) Trên cơ sở thông tin do Hệ thống thông tin đăng ký thuế truyền sang, Cơ quan đăng ký kinh doanh hướng dẫn doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh liên hệ với cơ quan thuế để hoàn thành các nghĩa vụ thuế trước khi đăng ký giải thể, chấm dứt hoạt động.

5. Quy trình trao đổi thông tin thu hồi Giấy chứng nhận

5.1. Trong thời hạn 10 ngày (đối với doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp, hộ kinh doanh) hoặc 03 ngày làm việc (đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác) kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận của thủ trưởng cơ quan thuế, Cơ quan đăng ký kinh doanh thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận theo quy định.

5.2. Sau khi Cơ quan đăng ký kinh doanh ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận, Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh truyền thông tin về việc thu hồi Giấy chứng nhận sang Hệ thống thông tin đăng ký thuế.

5.3. Hệ thống thông tin đăng ký thuế cập nhật thông tin về việc thu hồi Giấy chứng nhận từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh truyền sang để cơ quan thuế theo dõi, xử lý theo quy định.

5.4. Sau 180 ngày kể từ ngày Cơ quan đăng ký kinh doanh ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận mà không nhận được đề nghị của thủ trưởng cơ quan thuế về việc khôi phục tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật.

6. Quy trình trao đổi thông tin về việc khôi phục tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau khi bị thu hồi Giấy chứng nhận

6.1. Sau khi Cơ quan đăng ký kinh doanh ra Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận, nếu doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh nộp đủ tiền thuế, tiền phạt vào ngân sách nhà nước, thủ trưởng cơ quan thuế gửi văn bản đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh khôi phục tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh. Trên cơ sở văn bản của thủ trưởng cơ quan thuế, Cơ quan đăng ký kinh doanh thực hiện khôi phục tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo quy định.

6.2. Quy trình trao đổi thông tin về việc khôi phục tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau khi bị thu hồi Giấy chứng nhận thực hiện như sau:

a) Sau khi doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đã được khôi phục tình trạng pháp lý trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh truyền

thông tin về việc khôi phục tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sang Hệ thống thông tin đăng ký thuế.

b) Hệ thống thông tin đăng ký thuế cập nhật thông tin về việc khôi phục tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh truyền sang để cơ quan thuế xử lý theo quy định.

7. Quy trình trao đổi thông tin về việc doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký

Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh bị cơ quan thuế thông báo về việc không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký theo quy định của pháp luật về thuế, cơ quan thuế cập nhật thông tin vào Hệ thống thông tin đăng ký thuế và truyền thông tin sang Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh để Cơ quan đăng ký kinh doanh phối hợp theo dõi, xử lý hoặc thu hồi Giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật.

Trường hợp cơ quan thuế nhận được đề nghị của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh về việc khôi phục trạng thái mã số thuế sau khi thông báo về việc doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký, cơ quan thuế thông báo khôi phục trạng thái mã số thuế của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật về thuế. Hệ thống thông tin đăng ký thuế truyền thông tin về việc doanh nghiệp tiếp tục hoạt động sang Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

8. Quy trình trao đổi thông tin về việc vi phạm pháp luật của người thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh

8.1. Các trường hợp vi phạm pháp luật cảnh báo trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã bao gồm:

a) Người thành lập, người quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự, đã bị cơ quan Thuế chuyển cơ quan điều tra theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự và pháp luật về thuế;

b) Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có người thành lập, người quản lý trước đó là người thành lập, người quản lý của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đã bị cơ quan thuế thông báo không còn kinh doanh ở địa chỉ đã đăng ký;

c) Chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh công ty hợp danh vi phạm quy định tại Điều 180, Điều 188 Luật Doanh nghiệp.

8.2. Khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký thành lập hoặc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm kiểm tra, rà soát các trường hợp nêu tại mục 8.1 để xử lý theo quy định của pháp luật.

9. Quy trình trao đổi thông tin về tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh

9.1. Tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh thực hiện trao đổi theo Quy trình là các trạng thái của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được cơ quan thuế và Cơ quan đăng ký kinh doanh quản lý, theo dõi trên hệ thống ứng dụng nhằm phục vụ các yêu cầu quản lý thuế, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh

a) Các trạng thái của doanh nghiệp sử dụng chung giữa hai hệ thống bao gồm:

- Trạng thái “Tạm ngừng kinh doanh”: là trạng thái áp dụng đối với các doanh nghiệp, chi nhánh, địa điểm kinh doanh đang trong thời gian tạm ngừng kinh doanh, văn phòng đại diện đang trong thời gian tạm ngừng hoạt động theo quy định tại Điều 60 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP. Ngày chuyển trạng thái tạm ngừng kinh doanh trên hệ thống ứng dụng là ngày doanh nghiệp, chi nhánh, địa điểm kinh doanh thông báo bắt đầu tạm ngừng kinh doanh, văn phòng đại diện thông báo tạm ngừng hoạt động; ngày kết thúc trạng thái tạm ngừng kinh doanh là ngày kết thúc thời gian tạm ngừng kinh doanh, tạm ngừng hoạt động đã thông báo hoặc ngày doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh thông báo tiếp tục kinh doanh, hoạt động trước thời hạn.

- Trạng thái “Tạm ngừng hoạt động không đăng ký hoặc Chờ giải thể, phá sản”: là trạng thái áp dụng đối với các doanh nghiệp có tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”, “Bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế”, “Đang làm thủ tục giải thể, bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập”, “Đang làm thủ tục phá sản” trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 35 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP; chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”, “Bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế”, “Đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động” trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP. Thời gian xác định chuyển trạng thái chờ giải thể, phá sản là thời điểm Cơ quan đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, trừ tình trạng “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký” do Cơ quan thuế quyết định.

- Trạng thái “Đã giải thể, phá sản”: là trạng thái áp dụng đối với các doanh nghiệp đã được Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo về việc giải thể; doanh nghiệp có quyết định tuyên bố phá sản của Tòa án theo quy định của pháp luật về phá sản; doanh nghiệp chấm dứt tồn tại do bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập theo quy định của Luật Doanh nghiệp; chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đã được Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo

về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp đã phá sản. Thời gian xác định chuyển trạng thái đã giải thể, phá sản là thời điểm Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cập nhập tình trạng pháp lý trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

- Trạng thái “Đang hoạt động”: là trạng thái áp dụng đối với các doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh và không thuộc các trạng thái nêu trên.

Các trạng thái hoạt động của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh là căn cứ để các bên thống nhất số liệu thống kê và báo cáo về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp.

b) Các trạng thái của hợp tác xã sử dụng chung giữa hai Hệ thống bao gồm:

- Trạng thái “Tạm ngừng kinh doanh”: là trạng thái áp dụng đối với các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong thời gian tạm ngừng kinh doanh theo quy định tại Điều 47 và Điều 62 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 35 Nghị định số 43/2025/NĐ-CP). Ngày chuyển trạng thái tạm ngừng kinh doanh trên hệ thống ứng dụng là ngày hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thông báo bắt đầu tạm ngừng kinh doanh; ngày kết thúc trạng thái tạm ngừng kinh doanh là ngày kết thúc thời gian tạm ngừng kinh doanh đã thông báo hoặc ngày hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thông báo tiếp tục kinh doanh trước thời hạn.

- Trạng thái “Tạm ngừng hoạt động không đăng ký hoặc Chờ giải thể, phá sản”: là trạng thái áp dụng đối với các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có tình trạng pháp lý “Bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế”, “Đang làm thủ tục giải thể, bị chia, bị hợp nhất, được sáp nhập”, “Đang làm thủ tục phá sản”, “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký” trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã được quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 6 Điều 27 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 35 Nghị định số 43/2025/NĐ-CP); tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có tình trạng pháp lý “Bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế”, “Đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động”, “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký” trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã theo quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều 28 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 35 Nghị định số 43/2025/NĐ-CP). Thời gian xác định chuyển trạng thái chờ giải thể, phá sản là

thời điểm Cơ quan đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, đơn vị trực thuộc của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã, trừ tình trạng “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký” do Cơ quan thuế quyết định.

- Trạng thái “Đã giải thể, phá sản”: là trạng thái áp dụng đối với các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có tình trạng pháp lý “Đã giải thể, phá sản, chấm dứt tồn tại” trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 35 Nghị định số 43/2025/NĐ-CP); tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có tình trạng pháp lý “Đã chấm dứt hoạt động” trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã quy định tại khoản 4 Điều 28 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 35 Nghị định số 43/2025/NĐ-CP). Thời gian xác định chuyển trạng thái chờ giải thể, phá sản là thời điểm Cơ quan đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh, trừ tình trạng “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký” do Cơ quan thuế quyết định.

- Trạng thái “Đang hoạt động”: là trạng thái áp dụng đối với các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh và không thuộc các trạng thái nêu trên.

Các trạng thái hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, đơn vị trực thuộc của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là căn cứ để các bên thống nhất số liệu thống kê và báo cáo về tình trạng hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

c) Các trạng thái của hộ kinh doanh sử dụng chung giữa hai hệ thống bao gồm:

- Trạng thái “Tạm ngừng kinh doanh”: là trạng thái áp dụng đối với các hộ kinh doanh đang trong thời gian tạm ngừng kinh doanh theo quy định tại Điều 103 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP. Ngày chuyển trạng thái tạm ngừng kinh doanh trên hệ thống ứng dụng là ngày hộ kinh doanh đăng ký bắt đầu tạm ngừng kinh doanh; ngày kết thúc trạng thái tạm ngừng kinh doanh là ngày kết thúc thời gian tạm ngừng kinh doanh đã đăng ký hoặc ngày hộ kinh doanh đăng ký tiếp tục kinh doanh trước thời hạn.

- Trạng thái “Tạm ngừng hoạt động không đăng ký hoặc Chờ giải thể, phá sản”: là trạng thái áp dụng đối với các hộ kinh doanh có tình trạng pháp lý “Bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế”, “Đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động”, “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký” trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh theo quy định tại khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 98 Nghị định số

168/2025/NĐ-CP. Thời gian xác định chuyển trạng thái chờ giải thể, phá sản là thời điểm Cơ quan đăng ký kinh doanh nhận được nghị quyết hoặc quyết định giải thể doanh nghiệp, thời điểm Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- Trạng thái “Đã giải thể, phá sản”: là trạng thái áp dụng đối với các hộ kinh doanh đã được Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về việc chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh. Thời gian xác định chuyển trạng thái đã giải thể, phá sản là thời điểm Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cập nhập tình trạng pháp lý trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

- Trạng thái “Đang hoạt động”: là trạng thái áp dụng đối với hộ kinh doanh đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và không thuộc các trạng thái nêu trên.

Các trạng thái hoạt động của hộ kinh doanh là căn cứ để các bên thống nhất số liệu thống kê và báo cáo về tình trạng hoạt động của hộ kinh doanh.

9.3. Quy trình trao đổi thông tin về tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh thực hiện như sau:

a) Trường hợp có sự thay đổi về tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên Hệ thống thông tin đăng ký thuế, Hệ thống thông tin đăng ký thuế truyền thông tin về tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, thông tin về việc doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế theo quy định của Luật quản lý thuế sang Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

Cơ quan đăng ký kinh doanh thực hiện rà soát, cập nhật thông tin vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh. Sau đó, Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh truyền thông tin của các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đã qua rà soát sang Hệ thống thông tin đăng ký thuế để cập nhật tình trạng hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

b) Thông tin truyền từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sang Hệ thống thông tin đăng ký thuế, bao gồm các thông tin sau: doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đăng ký tạm ngừng kinh doanh, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đăng ký tạm ngừng kinh doanh, tạm ngừng hoạt động; doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, hợp tác xã hộ kinh doanh thông báo hoạt động trở lại; doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đăng ký giải thể; hộ kinh doanh, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đăng ký chấm dứt hoạt động.

10. Các trường hợp không thực hiện trao đổi thông tin giữa Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và Hệ thống thông tin đăng ký thuế

Các trường hợp không thực hiện trao đổi thông tin điện tử giữa hai Hệ thống bao gồm:

10.1. Trường hợp cấp đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo quy trình dự phòng;

10.2. Các trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-BKHĐT-BTC;

10.3. Các trường hợp đặc thù khác theo sự thống nhất của Cục Thuế và Cục Phát triển doanh nghiệp tư nhân và kinh tế tập thể.

III. QUY TẮC XỬ LÝ LỖI VÀ SỰ CỐ KỸ THUẬT

1. Chuẩn hóa thông điệp lỗi thông báo của hệ thống

Việc chuẩn hóa thông điệp lỗi nhằm mục đích nâng cao hiệu quả phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ đăng ký kinh doanh trong việc hướng dẫn người nộp hồ sơ.

Ban hành kèm theo Văn bản này Phụ lục: Bảng mã lỗi chuẩn hóa và Hướng dẫn xử lý. Phụ lục này là tài liệu nghiệp vụ được sử dụng thống nhất trong quá trình trao đổi thông tin giữa hai Hệ thống.

Nội dung Bảng mã lỗi: Mỗi mã lỗi bao gồm các thông tin tối thiểu: (1) Mã lỗi duy nhất; (2) Thông điệp lỗi ngắn gọn; (3) Diễn giải chi tiết nguyên nhân; (4) Hướng dẫn khắc phục cụ thể cho cán bộ ĐKKD và/hoặc doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

2. Quy trình xử lý khi Hệ thống gián đoạn

Khi một trong hai Hệ thống gặp sự cố kỹ thuật dẫn đến gián đoạn kết nối kéo dài quá 01 giờ làm việc, đơn vị vận hành thực hiện thông báo cho đơn vị đầu mối của bên còn lại qua các kênh liên lạc chính thức (email, điện thoại) để cùng phối hợp xử lý.

Trong thời gian hệ thống điện tử gián đoạn, hai bên phối hợp áp dụng quy trình xử lý dự phòng (trao đổi thông tin qua email công vụ có xác thực hoặc các hình thức phù hợp khác) nhằm đảm bảo công tác giải quyết thủ tục hành chính được liên tục và đáp ứng thời hạn trả kết quả cho người dân, doanh nghiệp.

3. Cơ chế đối soát dữ liệu

Định kỳ vào ngày làm việc đầu tiên của tuần, hai Hệ thống thực hiện quy trình đối soát dữ liệu tự động có phát sinh giao dịch trong tuần trước đó để phát hiện và cảnh báo các trường hợp sai lệch thông tin (nếu có).

Báo cáo kết quả đối soát sẽ được gửi tự động đến các đơn vị đầu mối kỹ thuật và nghiệp vụ của cả hai bên để phối hợp xử lý kịp thời.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của các cơ quan Trung ương

Cục Phát triển doanh nghiệp tư nhân và kinh tế tập thể và Cục Thuế có trách nhiệm:

a) Tổ chức xây dựng, quản lý và vận hành Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và Hệ thống thông tin đăng ký thuế để đảm bảo hoạt động ổn định, thông suốt.

b) Chịu trách nhiệm về tính chính xác, toàn vẹn của dữ liệu trong hệ thống do mình quản lý và cung cấp.

c) Công khai tài liệu kỹ thuật, API (giao diện lập trình ứng dụng) phục vụ kết nối và thực hiện cập nhật khi có thay đổi để hai bên cùng nắm bắt.

d) Bố trí cán bộ đầu mối (cả về kỹ thuật và nghiệp vụ) để tiếp nhận và phối hợp xử lý các sự cố, vướng mắc. Thời gian phản hồi đối với các yêu cầu hỗ trợ từ cơ quan phối hợp được thống nhất là trong vòng 02 giờ làm việc để đảm bảo hiệu quả công việc.

2. Trách nhiệm của Cơ quan đăng ký kinh doanh tại địa phương

a) Chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh; hướng dẫn người nộp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định.

b) Thực hiện việc tiếp nhận và xử lý hồ sơ trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo đúng trình tự, thời hạn quy định tại Phần II của Văn bản này.

c) Khi nhận được phản hồi từ Hệ thống thông tin đăng ký thuế, đặc biệt là các thông báo lỗi, có trách nhiệm căn cứ vào các thông báo lỗi chuẩn hóa tại Phụ lục 2 để hướng dẫn cho người dân, doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc thực hiện các nghĩa vụ liên quan.

3. Trách nhiệm của Cơ quan thuế tại địa phương

a) Tổ chức thực hiện thống nhất các quy định pháp luật về thuế và các quy trình nghiệp vụ quản lý thuế trên địa bàn.

b) Hỗ trợ, giải đáp vướng mắc cho người nộp thuế liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ thuế trong quá trình đăng ký kinh doanh.

c) Chịu trách nhiệm xử lý các trường hợp nghiệp vụ mà Hệ thống thông tin đăng ký thuế yêu cầu xác minh thủ công và phản hồi kết quả theo đúng thời hạn để không làm ảnh hưởng đến quy trình liên thông.

d) Phối hợp chặt chẽ với Cơ quan đăng ký kinh doanh để giải quyết các vướng mắc phát sinh, đảm bảo dữ liệu về tình trạng nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn được cập nhật chính xác, kịp thời.

Phụ lục II
BẢNG MÃ LỖI CHUẨN HÓA VÀ HƯỚNG XỬ LÝ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 4250/QĐ-BTC ngày 22/12/2025 của Bộ Tài chính)

Mã lỗi	Nội dung xác nhận/lỗi (Ứng dụng ĐKDN)	Nội dung xác nhận/lỗi (Ứng dụng TMS)	Tình huống nghiệp vụ	Hướng xử lý	Ghi chú
12	MST đơn vị chủ quản không có trong hệ thống thuế	MST ĐVCQ [&1] không tồn tại trong hệ thống	Cơ quan ĐKKD gửi sang giao dịch đăng ký thành lập chi nhánh/VPĐD/ĐĐKD của DN/HTX, trong đó MST ĐVCQ không tồn tại trên hệ thống thì hệ thống trả lỗi này.	Đề nghị cơ quan ĐKKD kiểm tra thông tin MST ĐVCQ trên giao dịch gửi sang thuế, sau đó truyền lại giao dịch đúng sang hệ thống thuế.	Áp dụng dùng với DN/HTX
14	Mã số thuế không tồn tại trong hệ thống thuế	MST [&1] chưa tồn tại trong Hệ thống	Cơ quan ĐKKD gửi sang Hệ thống thuế các loại giao dịch đăng ký DN/HKD/HTX, trong đó có thông tin MST của cá nhân/MST hộ kinh doanh/MST DN/MST HTX không tồn tại hoặc chưa là MST chính thức trên Hệ thống thuế thì Hệ thống trả lỗi này.	Cơ quan ĐKKD phối hợp đề nghị NNT kiểm tra thông tin MST để hoàn thiện hồ sơ gửi lại Cơ quan Thuế. Trường hợp DN/HKD/HTX đề nghị sử dụng MST đã khai trên tờ khai thì liên hệ với Cơ quan Thuế quản lý trực tiếp để được hướng dẫn.	Áp dụng dùng với DN/HKD/HTX
18	MST chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế tại Cơ quan Thuế	NNT chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế tại Cơ quan Thuế	DN/HKD/HTX đến Cơ quan ĐKKD làm thủ tục thay đổi thông tin địa chỉ trụ sở kinh doanh đến nơi mới, nhưng không đến Cơ quan Thuế quản lý trước khi chuyển địa chỉ trụ sở (Cơ quan Thuế nơi đi) hoàn thành nghĩa vụ thuế với Cơ quan Thuế (Tức MST vẫn đang ở trạng thái Đang hoạt động tại Cơ quan Thuế quản lý trước khi chuyển địa chỉ trụ sở), thì Hệ thống thuế trả lỗi này	Cơ quan ĐKKD phối hợp đề nghị NNT đến Cơ quan Thuế quản lý trước khi chuyển địa chỉ trụ sở hoàn thành nghĩa vụ thuế với Cơ quan Thuế.	Áp dụng dùng với DN/HKD/HTX
23	Thiếu thông tin bắt buộc: [p1] (Mã số thuế tương ứng theo giao dịch)	Cơ quan ĐKKD truyền thiếu thông tin [&1]	Cơ quan ĐKKD gửi sang Hệ thống thuế các giao dịch đăng ký hộ kinh doanh thuế, trong đó gửi thiếu thông tin bắt buộc đối với từng loại giao dịch	Đề nghị Cơ quan ĐKKD kiểm tra thông tin gửi sang thuế, sửa lỗi, sau đó đóng gói và truyền lại giao dịch đúng sang thuế.	Áp dụng dùng với DN/HKD/HTX
25	Địa chỉ trụ sở của ĐVCQ/HKD không trùng với địa chỉ trụ sở tại hệ thống thuế	Địa chỉ trụ sở của ĐVCQ/HKD không trùng với địa chỉ trụ sở tại hệ thống thuế	Cơ quan ĐKKD gửi sang Hệ thống thuế giao dịch đăng ký thành lập mới chi nhánh/Văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của DN/HTX, trong đó gửi thông tin địa chỉ trụ sở của hộ kinh doanh không khớp với địa chỉ trụ sở trên Hệ thống thuế.	Cơ quan ĐKKD phối hợp đề nghị NNT kiểm tra thông tin địa chỉ trụ sở của hộ kinh doanh/DN/HTX đã đăng ký với Cơ quan Thuế. Trường hợp thông tin đã đăng ký với Cơ quan Thuế chưa đúng, đề nghị NNT làm thủ tục thay đổi thông tin với Cơ quan Thuế.	Áp dụng dùng với DN/HKD/HTX

27	Trùng giấy tờ tùy thân nhưng không khớp đúng Họ tên/Ngày sinh với dữ liệu đăng ký thuế	Trùng giấy tờ tùy thân nhưng không khớp đúng Họ tên/Ngày sinh với dữ liệu đăng ký thuế	<p>Cơ quan ĐKKD gửi sang Hệ thống thuế giao dịch đăng ký thành lập mới hộ kinh doanh/Thay đổi chủ hộ kinh doanh từ người này sang người khác.</p> <p>Hệ thống thuế đem các thông tin: Họ tên, ngày sinh, số giấy tờ của chủ hộ kinh doanh trên giao dịch ĐKKD gửi đi truy vấn online sang CSDLQG về dân cư của BCA để xác thực thông tin.</p> <p>Trường hợp sau nhiều lần gửi thông tin truy vấn sang BCA nhưng không nhận được phản hồi, Hệ thống thuế sẽ kiểm tra thông tin Họ tên, ngày sinh, số giấy tờ của chủ hộ kinh doanh trên giao dịch ĐKKD gửi sang với thông tin trên Hệ thống thuế. Nếu số CCCD trên giao dịch ĐKKD gửi sang trùng với mã định danh công dân của cá nhân làm công ăn lương/NPT khác có trạng thái khác 03, 01 trên Hệ thống TMS nhưng không khớp đúng Họ tên/Ngày sinh thì Hệ thống sẽ trả lỗi này.</p>	Cơ quan ĐKKD phối hợp hoàn thiện thông tin của chủ hộ kinh doanh, sau đó truyền lại giao dịch đúng sang hệ thống thuế.	Áp dụng đúng với HKD
32	Trùng [p1] với [p1] của MST: [p2] ([p1] là CMT/CMT quân đội/HC/giấy thông hành/CCCD/mã định danh, [p2] là tất cả các MST bị trùng)	Trùng [&1] với [&1] của MST: [&2] ([&1] là CMT/CMT quân đội/HC/giấy thông hành/CCCD/mã định danh, [&2] là tất cả các MST bị trùng)	<p>- CQ ĐKKD gửi sang hệ thống thuế giao dịch đăng ký thành lập hộ kinh doanh, Thay đổi chủ hộ kinh doanh từ người này sang người khác, Thay đổi thông tin giấy tờ của chính chủ hộ kinh doanh của cùng 1 HKD, chuyển địa điểm, hệ thống thuế kiểm tra phát hiện số CMND/CCCD của chủ hộ kinh doanh trên GD ĐKKD gửi sang trùng với số CMND/CCCD hoặc số CCCD của chủ hộ kinh doanh trên GD ĐKKD gửi sang trùng với mã định danh của NNT khác là chủ DNTN (trạng thái khác 01), Chủ hộ kinh doanh (trạng thái khác 01 lý do 14), cá nhân làm công ăn lương, NPT (có trạng thái khác 01 lý do 1) trên hệ thống thuế thì sẽ trả lỗi này.</p> <p>- CQ ĐKKD gửi sang hệ thống thuế giao dịch đăng ký thành lập Doanh nghiệp tư nhân, Thay đổi thông tin loại hình doanh nghiệp sang loại hình Doanh nghiệp tư nhân, hệ thống thuế kiểm tra phát hiện số CMND/CCCD của chủ DNTN trên GD ĐKKD gửi sang trùng với số CMND/CCCD của chủ DNTN trùng với số CMND/CCCD của NNT khác là chủ DNTN (trạng thái khác 01), Chủ hộ kinh doanh (trạng thái khác 01 lý do 14) trên hệ thống thuế thì sẽ trả lỗi này.</p>	CQ ĐKKD phối hợp NNT kiểm tra thông tin giấy tờ tùy thân và kê khai lại thông tin hợp lệ. Trường hợp thông tin đã kê khai là đúng thì đề nghị NNT nộp hồ sơ giấy đến CQT để được giải quyết.	Áp dụng đúng với HKD/DN/HTX

33	NNT chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế tại Cơ quan Thuế	NNT chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế tại Cơ quan Thuế	Cơ quan ĐKKD gửi sang Hệ thống thuế giao dịch giải thể DN/HTX, hệ thống thuế kiểm tra nếu NNT chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế với Cơ quan Thuế (Ví dụ: NNT còn nợ/nộp thừa hoặc chưa được Cơ quan Thuế tích nút đủ các nút tích hoàn thành nghĩa vụ để đóng được MST về TT01) thì hệ thống sẽ trả lỗi này.	Cơ quan ĐKKD phối hợp hướng dẫn NNT liên hệ với Cơ quan Thuế để được giải quyết	Áp dụng dùng với DN/HTX
35	CMT/CMT quân đội phải có quốc tịch là Việt Nam	CMT/CMT quân đội phải có quốc tịch là Việt Nam	Cơ quan ĐKKD gửi sang Hệ thống thuế giao dịch đăng ký thành lập DN/HTX, trong đó người đại diện theo pháp luật có quốc tịch khác Việt Nam nhưng giấy tờ tùy thân là CMT/CMT quân đội thì Hệ thống sẽ trả lỗi này.	Cơ quan ĐKKD phối hợp NNT kiểm tra thông tin giấy tờ tùy thân và kê khai lại thông tin hợp lệ. Trường hợp thông tin đã kê khai là đúng thì đề nghị NNT nộp hồ sơ giấy đến Cơ quan Thuế để được giải quyết.	Áp dụng dùng với DN/HTX
36	NNT chưa thực hiện chấm dứt hiệu lực MST với Cơ quan Thuế	NNT chưa thực hiện chấm dứt hiệu lực MST với Cơ quan Thuế	Cơ quan ĐKKD gửi sang Hệ thống thuế giao dịch chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh của MST DN/HKD/HTX. Nhưng MST này đang ở trạng thái khác trạng thái 01 - NNT ngừng hoạt động, đã hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực MST.	Cơ quan ĐKKD phối hợp đề nghị NNT hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực MST với Cơ quan Thuế.	Áp dụng dùng với DN/HKD/HTX
37	NNT đã chấm dứt hiệu lực MST thành công	NNT đã chấm dứt hiệu lực MST thành công	Cơ quan ĐKKD gửi sang Hệ thống thuế giao dịch chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh của MST DN/HKD/HTX và MST này đang ở trạng thái 01 - NNT ngừng hoạt động, đã hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực MST.		Áp dụng dùng với DN/HKD/HTX
47	Mã số thuế HKD đã được chuyển đổi lên DN/MST HKD đã thay đổi chủ hộ	Mã số thuế HKD đã được chuyển đổi lên DN/MST HKD đã thay đổi chủ hộ	Cơ quan ĐKKD gửi sang giao dịch chuyển đổi hộ lên DN/Thay đổi chủ hộ kinh doanh, có thông tin MST HKD cũ đã được chuyển lên DN hoặc MST HKD cũ đã đóng về trạng thái 03 lý do "Thay đổi chủ hộ".	Cơ quan ĐKKD kiểm tra thông tin MST HKD đã khai. Nếu MST HKD đã được chuyển đổi lên DN hoặc HKD đã thay đổi chủ hộ thì không gửi giao dịch sang thuế nữa. Nếu MST khai sai thì đề nghị NNT khai đúng với Cơ quan ĐKKD.	Áp dụng dùng với DN
69	Địa chỉ trụ sở (Tỉnh/ Thành phố) của NNT khác với nơi Cơ quan Thuế quản lý	Địa chỉ trụ sở (Tỉnh/ Thành phố) của NNT khác với nơi Cơ quan Thuế quản lý	Giao dịch có thông tin "Địa chỉ trụ sở (Tỉnh/ Thành phố) của NNT khác với Tỉnh/ Thành phố nộp hồ sơ ĐKKD để cập nhật thông tin cho NNT	Đề nghị Cơ quan ĐKKD kiểm tra thông tin địa chỉ trụ sở và gửi lại giao dịch có thông tin "Địa chỉ trụ sở (Tỉnh/ Thành phố) của NNT trùng với Tỉnh/ Thành phố nộp hồ sơ ĐKKD để cập nhật thông tin cho NNT	Áp dụng dùng với HKD/DN/HTX

73	MST ĐVCQ/MST HKD đã chấm dứt hiệu lực hoặc đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực MST hoặc đang không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký	MST ĐVCQ/MST HKD đã chấm dứt hiệu lực hoặc đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực MST hoặc đang không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký	Cơ quan ĐKKD gửi sang Hệ thống thuế giao dịch đăng ký mới địa điểm kinh doanh của HKD, giao dịch đăng ký mới chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của DN, hệ thống thuế kiểm tra MST hộ kinh doanh trên giao dịch đang ở trạng thái 03, 06, 01 thì trả lỗi.	Cơ quan ĐKKD phối hợp đề nghị NNT kiểm tra thông tin MST. Trường hợp MST HKD ở trạng thái 03, 06: hướng dẫn HKD làm thủ tục khôi phục MST với Cơ quan Thuế/Khai đúng MST HKD, sau đó hoàn thiện hồ sơ gửi lại Cơ quan Thuế.	Áp dụng dùng với HKD/DN/HTX
79	MST chưa được tạm ngừng kinh doanh tại Cơ quan Thuế. Giao dịch khôi phục tạm ngừng kinh doanh của NNT không được Cơ quan Thuế ghi nhận.	MST có trạng thái khác 05 tạm nghỉ kinh doanh nên không được phép khôi phục	Hệ thống thuế kiểm tra MST trên giao dịch khôi phục tạm ngừng kinh doanh, nếu MST có trạng thái khác 05 thì trả lỗi, không cho khôi phục.	Đề nghị Cơ quan ĐKKD kiểm tra giao dịch khôi phục đảm bảo tính hợp lệ của giao dịch này. Trường hợp giao dịch khôi phục hợp lệ thì gửi lại giao dịch khôi phục cho Cơ quan Thuế để cập nhật thông tin NNT.	Áp dụng dùng với HKD/DN/HTX
97	NNT đã được cấp MST HKD và MST đang ở trạng thái tạm ngừng/ngừng kd chưa hoàn thành thủ tục đóng mã/đang chuyển địa điểm	NNT đã được cấp MST HKD và MST đang ở trạng thái tạm ngừng/ngừng kd chưa hoàn thành thủ tục đóng mã/đang chuyển địa điểm	Cơ quan ĐKKD gửi sang thuế giao dịch đăng ký thành lập hộ kinh doanh, Trường hợp NNT đã được cấp MST HKD nhưng chưa được cấp GPKD (Loại NNT là 0300, 0310), hệ thống kiểm tra phát hiện tất cả các MST 0300, 0310 đã cấp có trùng địa chỉ trụ sở với địa chỉ trụ sở của HKD đăng ký trên giao dịch đăng ký thành lập hộ kinh doanh, đều đang ở trạng thái tạm ngừng /ngừng kd chưa hoàn thành thủ tục đóng mã/đang chuyển địa điểm (03, 05, 02) thì trả lỗi.	Đề nghị 2 Cơ quan (ĐKKD và CQT) phối hợp hướng dẫn NNT thực hiện làm thủ tục với Cơ quan Thuế để chuyển về trạng thái 00,04 trước khi Cơ quan ĐKKD gửi lại giao dịch đăng ký thành lập hộ kinh doanh cho Cơ quan Thuế.	Áp dụng dùng với HKD